TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, chia tài sản chung* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964, nơi cư trú: tổ 02, ấp H Hưng, xã H Xương, huyện Phú Tân, An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969, nơi cư trú: tổ 02, ấp H Hưng, xã H Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1991. Nơi cư trú: tổ 02, ấp H Hưng, xã H Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ông H trình bày: Ông và bà C quen biết tìm hiểu được thời gian, tự chung sống với nhau từ năm 1989,

vợ chồng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không hạnh phúc, chính thức ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Suốt thời gian từ năm 2017 đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng hay liên lạc qua lại với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: vợ chồng cùng con gái đứng tên diện tích 317,4m^2 thửa số 44, tờ bản đồ số 8 theo giấy CNQSD đất số CS03917 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh An Giang cấp ngày 07/02/2018. Đất toạ lạc tại xã H Xương, sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, đồng ý rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Về hôn nhân, con chung: thống nhất về thời gian kết hôn và con chung, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai ly thân từ năm 2017, nên đồng ý ly hôn, con chung đã trưởng thành không đề cập đến.

Về tài sản chung: thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Việc cha mẹ ly hôn, không có ý kiến, vì cả hai cũng đã không chung sống với nhau nhiều năm, cha cũng đã có người phụ nữ khác bên ngoài nên không còn yêu thương gia đình, về tài sản chị cũng được đứng tên chung với cha mẹ nên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, để gia đình tự thương lượng thỏa thuận sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nên ông H khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

theo quy định. Các bên có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C do tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Ông H cho rằng, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, tình tình không phù hợp nhau, vợ chồng đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng không được nên mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn. Bà C cho rằng ông H có người phụ nữ khác nên không quan tâm gia đình nên dẫn đến việc ly thân cho đến nay. Ông bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận vì hôn nhân của ông, bà là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, để cho ông, bà có cuộc sống riêng, nên HĐXX không công nhận giữa ông, bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: ông H và bà C thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Ông H rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 217; 218; 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông H.

Về nợ phải trả: Các đương sự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Văn H là người xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 235; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn H. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản: Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Án phí DSST: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 3.750.000đ cho ông Nguyễn Văn H theo biên lai thu số 0005809 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Án phí HNST: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005809 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sư, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã H Xương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc